

TRƯỜNG THCS LONG BIÊN  
TỔ XÃ HỘI

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I  
NĂM HỌC 2024-2025  
MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP:

1. Phạm vi kiến thức cần ôn tập:

- + Bài 1: Lịch sử và cuộc sống.
- + Bài 2: Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử ?
- + Bài 3: Thời gian trong lịch sử.
- + Bài 4: Nguồn gốc loài người.
- + Bài 5: Xã hội nguyên thủy.
- + Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy.
- + Bài 7: Ai cập và Lưỡng Hà cổ đại.
- + Bài 8: Ấn Độ cổ đại.
- + Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến đến thế kỉ VII.

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:

Câu 1: Nêu khái niệm Lịch sử; môn Lịch sử.

Câu 2: Phân biệt và lấy ví dụ về các nguồn sử liệu.

Câu 3:

a. Con người có nguồn gốc từ đâu?

b. Con người trải qua mấy giai đoạn tiến hóa? Đó là những giai đoạn nào?

Động lực của quá trình tiến hóa của loài người là gì?

c. Hoàn thành bảng hệ thống kiến thức sau:

Tiêu chí	Vượn người	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện			
Địa điểm phát hiện			
Đặc điểm cấu tạo cơ thể			
Thế tích			



Handwritten initials or marks at the bottom right corner.

hộp sọ			
--------	--	--	--

**Câu 4:** *Nêu các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy?*

**Câu 5:** *Kim loại đã được phát hiện ra như thế nào? Nêu tác dụng của công cụ lao động bằng kim loại đối với đời sống sản xuất của người nguyên thủy.*

**Câu 6:** *Nêu những nét chính trong điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại. Điểm giống và khác nhau trong điều kiện tự nhiên của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.*

**Câu 7:** *Nêu những nét chính về xã hội Ấn Độ cổ đại.*

**Câu 8:** *Em hãy cho biết điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại?*

**Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:**

- Có ý kiến cho rằng: “Lịch sử là những gì đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn Lịch sử”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

- Trình bày những nét nổi bật trong đời sống tinh thần của người nguyên thủy

- Trình bày những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Lưỡng Hà cổ đại. Thành tựu nào của người Lưỡng Hà cổ đại còn ứng dụng đến ngày nay.

## **II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:**

**1. Bài tập trắc nghiệm (Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng và dùng bút chì khoanh vào chữ cái tương ứng)**

**Câu 1: Lịch sử được hiểu là:**

- A. Tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ
- B. Những bản ghi chép hay tranh, ảnh còn được lưu giữ lại.
- C. Những truyện cổ tích được truyền miệng
- D. Sự tưởng tượng của con người về quá khứ của mình

**Câu 2: Ai là chủ thể sáng tạo ra lịch sử?**

- A. Vạn vật
- B. Thượng đế
- C. Chúa trời
- D. Con người

**Câu 3: Tư liệu chữ viết là**

- A. những câu chuyện cổ tích do người xưa tưởng tượng ra.
- B. những hoa văn trên thân và mặt trống đồng.
- C. những hình vẽ trên vách hang đá của người nguyên thủy.
- D. những bản ghi; sách được in,...từ quá khứ còn được lưu giữ đến ngày nay.

**Câu 4: Bia đá thuộc loại tư liệu gì?**

- A. Tư liệu truyền miệng.
- B. Tư liệu hiện vật.
- C. Tư liệu chữ viết.
- D. Không thuộc các loại tư liệu nói trên.

**Câu 5: Cần phải xác định thời gian trong lịch sử vì**

- A. Lịch sử đã diễn ra không bao giờ lặp lại
- B. Lịch sử diễn ra theo trình tự thời gian
- C. Lịch sử là những gì đã diễn ra không còn tồn tại thực
- D. Lịch sử là các câu chuyện dân gian được kể từ đời này sang đời khác.

**Câu 6: Ở nước ta, ngày lễ nào được tính theo âm lịch?**

- A. Ngày Nhà giáo Việt Nam
- B. Ngày Quốc khánh
- C. Tết Nguyên đán
- D. Ngày Thương binh liệt sĩ

**Câu 7: Quá trình tiến hóa từ vượn thành người trải qua mấy giai đoạn chính?**

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

**Câu 8: Đặc điểm phân biệt chủ yếu giữa người tối cổ và người tinh khôn**

- A. Thê tích óc phát triển
- B. Bàn tay khéo léo
- C. Óc sáng tạo
- D. Xương cốt nhỏ

**Câu 9: Hình thức tổ chức xã hội của Người tối cổ là**

- A. bầy người nguyên thủy.
- B. công xã thị tộc.
- C. nhà nước.
- D. làng, bản.

**Câu 10: Nhiều thị tộc họ hàng, sống cạnh nhau đã tạo thành**

- A. bầy người nguyên thủy.
- B. bộ lạc.
- C. nhà nước.
- D. xóm làng.

**Câu 11. Nền văn hóa Phùng Nguyên (Bắc Bộ, Việt Nam) có niên đại cách ngày nay khoảng**

- A. 2000 TCN.
- B. 1500 TCN.
- C. 1000 TCN.
- D. 500 TCN.

**Câu 12. Nhà nước Ai Cập cổ đại được hình thành tại lưu vực của dòng sông nào dưới đây?**

- A. Sông Nin.
- B. Sông Ấn.
- C. Sông Hằng.
- D. Sông Ti-grơ.

**Câu 13: Nhà nước Ấn Độ cổ đại được cho là được hình thành ở?**

- A. Trên các hòn đảo.
- B. Lưu vực các dòng sông lớn.
- C. Trên các vùng núi cao.
- D. Ở các thung lũng.

**Câu 14:** Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ Trung Quốc (năm 221 TCN) thông qua con đường nào?

- A. Đồng hóa văn hóa.
- B. Chiến tranh.
- C. Ngoại giao.
- D. Luật pháp.

**Câu 15:** Từ thời nhà Thương, người Trung Quốc đã khắc chữ lên

- A. những tấm đất sét còn ướt.
- B. giấy làm từ vỏ cây Pa-pi-rút.
- C. mai rùa, xương thú.
- D. giấy làm từ bột gỗ.

## 2. Bài tập tự luận

**Câu 1:** Thế nào là tư liệu gốc? Lấy VD về tư liệu gốc?

**Câu 2:** Em hãy nêu các đặc điểm hình thể khác nhau cơ bản giữa người tối cổ và người tinh khôn?

**Câu 3:** Điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại là gì?

**Câu 4:** Nêu nguyên nhân Trung Quốc phát triển rực rỡ ở thời nhà Hán?

**Câu hỏi vận dụng liên hệ thực tiễn**

\* - Có ý kiến cho rằng: “Lịch sử là những gì đã qua, không thể thay đổi được nên không cần thiết phải học môn Lịch sử”. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

## B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

### I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

#### 1. Phạm vi kiến thức cần ôn tập:

Học sinh nắm được kiến thức các bài:

+ Bài mở đầu

+ Bài 1: Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí

+ Bài 2: Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. phương hướng trên bản đồ

+ Bài 3: Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

+ Bài 4: Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ

+ Bài 5: Lược đồ trí nhớ

#### 2. Một số câu hỏi trọng tâm

**Câu hỏi định hướng các nội dung lý thuyết trọng tâm cần ôn tập:**

+ Bản đồ là gì?

+ Tỉ lệ bản đồ là gì?

+ Kí hiệu bản đồ là gì?

+ Nhận biết các loại kí hiệu bản đồ và cách thể hiện theo từng đối tượng địa lí.

+ Kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc là gì?

+ Xác định được tọa độ địa lí của một điểm trên bản đồ.

+ So sánh mức độ chi tiết nội dung, đối tượng trên bản đồ.

**Câu hỏi vận dụng, nâng cao, mở rộng:**

+ Trình bày các bước để đọc một bản đồ thông dụng.

+ So sánh hệ thống kinh, vĩ tuyến ở các lưới chiếu khác nhau.

- + Tính toán khoảng cách ngoài thực tế dựa trên tỉ lệ bản đồ.
- + Tính toán khoảng cách trên bản đồ dựa vào khoảng cách thực tế và tỉ lệ bản đồ.
- + Tính tỉ lệ bản đồ dựa vào khoảng cách trên bản đồ và khoảng cách thực tế.
- + Liệt kê các câu ca dao, tục ngữ nói về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

## II. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HỌA:

### 1. Bài tập trắc nghiệm

**Chọn phương án trả lời đúng trong các phương án của các câu hỏi dưới đây**

**Câu 1: Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh) gọi là**

- A. Kinh tuyến Đông.
- B. Kinh tuyến Tây.
- C. Kinh tuyến 180 độ.
- D. Kinh tuyến gốc.

**Câu 2: Nếu cách 1 độ ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu kinh tuyến?**

- A. 361.
- B. 180.
- C. 360.
- D. 181.

**Câu 3: Những vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường**

- A. kinh tuyến.
- B. kinh tuyến gốc.
- C. vĩ tuyến.
- D. vĩ tuyến gốc.

**Câu 4: Vĩ tuyến gốc chính là đường**

- A. chí tuyến Bắc.
- B. Xích đạo.
- C. chí tuyến Nam.
- D. hai vòng cực.

**Câu 5: Nếu cách 1° ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu từ cực Nam đến cực Bắc có bao nhiêu vĩ tuyến?**

- A. 181.
- B. 182.
- C. 180.
- D. 179.

**Câu 6: Vị trí của điểm M được xác định là chỗ cắt nhau của đường kinh tuyến 120°Đ và vĩ tuyến 10°B thì tọa độ địa lí của điểm M là:**

- A. M (10°B, 120°Đ).
- C. M (10°B, 120°).
- B. M (10°N, 120°Đ).
- D. M (120°T, 10°B).

**Câu 7: Thông thường trên bản đồ, để thể hiện biên giới giữa các quốc gia, người ta dùng loại kí hiệu là:**

- A. kí hiệu điểm.
- C. kí hiệu đường.
- B. kí hiệu diện tích.
- D. kí hiệu hình học.

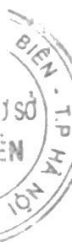
**Câu 8: Một địa điểm N nằm trên xích đạo và có kinh độ là 60°T. Cách viết tọa độ địa lí của điểm đó là**

- A. N (0°, 60°T).
- C. N (60°T, 0°).
- B. N (60°B, 60°T).
- D. N (60°T, 60°B).

**Câu 9: Điều đầu tiên cần làm khi đọc hiểu nội dung của một bản đồ bất kì là**

- A. đọc bản chú giải.
- B. tìm phương hướng.
- C. xem tỉ lệ bản đồ.
- D. đọc đường đồng mức.

**Câu 10: Hai bản đồ có tỉ lệ lần lượt là 1: 300.000 và 1: 600.000 bản đồ nào sẽ có mức độ hiển thị chi tiết các đối tượng, rõ ràng hơn?**





- A. Bản đồ tỉ lệ 1: 300.000.
- B. Bản đồ tỉ lệ 1: 600.000.
- C. Hai bản đồ thể hiện chi tiết như nhau
- D. Không thể kết luận bản đồ nào chi tiết hơn

**Câu 11: Tỉ lệ bản đồ**

- A. là khoảng cách tính bằng tỉ số
- B. là thước đo độ dài giữa các đối tượng địa lí.
- C. cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.
- D. cho biết mức độ thu nhỏ diện tích của các đối tượng địa lí trên bản đồ so với thực tế

**Câu 12: Để thể hiện một con vật (trâu, bò, hươu) trên bản đồ, người ta dùng dạng kí hiệu nào sau đây?**

- A. Kí hiệu tượng hình.
- B. Kí hiệu đường.
- C. Kí hiệu hình học.
- D. Kí hiệu chữ.

**Câu 13: Một phương tiện đặc biệt để mô tả hiểu biết cá nhân về một địa phương gọi là**

- A. sơ đồ trí nhớ.
- B. lược đồ trí nhớ.
- C. bản đồ trí nhớ.
- D. bản đồ không gian

**Câu 14: Lược đồ trí nhớ là**

- A. những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong sách điện tử.
- B. những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong sách giáo khoa.
- C. những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong trí óc con người.
- D. những thông tin không gian về thế giới được giữ lại trong máy tính, USB.

**Câu 15: Có mấy dạng lược đồ trí nhớ?**

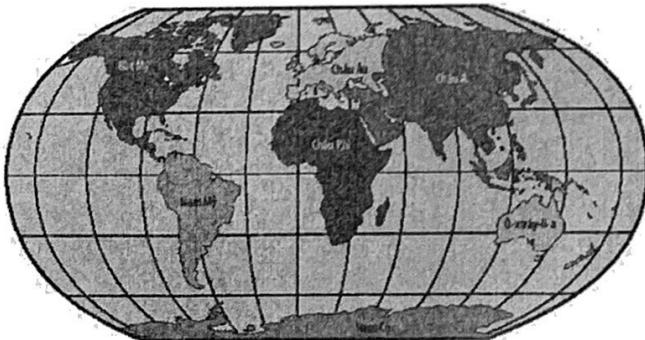
- A. 4
- B. 3
- C. 2
- D. 1

**2. Tự luận**

**Câu 1:** Trình bày khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc, kinh tuyến đông, kinh tuyến tây, vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.

**Câu 2:** Kí hiệu bản đồ là gì? có những loại kí hiệu bản đồ nào? Cho ví dụ?

**Câu 3:** Dựa vào các hình dưới đây, em hãy cho biết sự khác nhau của các lưới kinh, vĩ tuyến.



Hình a



Hình b

**Câu hỏi vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống thực tế:**

**Câu 4:** Liệt kê ít nhất 2 câu ca dao, tục ngữ nói về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

**Câu 5:** Điền số liệu vào chỗ trống trong bảng theo mẫu dưới đây cho phù hợp:

Bản đồ	Khoảng cách trên bản đồ (cm)	Khoảng cách thực tế	Tỉ lệ bản đồ
A	5	.....km	1 : 500 000
B	3	30 000 m	.....
C	.....	300 km	1 : 6 000 000
D	4	.....	1 : 1 000 000
E	1 cm	100 m	.....

Long Biên, ngày 14 tháng 10 năm 2024

**NGƯỜI LẬP ĐỀ CƯƠNG**

**TỔ TRƯỞNG CM**

**KT HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Hương Giang  
Bùi Thị Trang**



**Nguyễn Thị Bích Thuận**



**Chữ Thị Thu Hương**